

Bản án số: 82/2017/HSST
Ngày 29/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, T1 BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hà Bắc

2. Ông Nguyễn Xuân Chung

Những người tiến hành tố tụng khác tại phiên tòa

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 86/2017/HSST, ngày 13 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị T, sinh năm 1965. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT: Xã L, huyện N, T1 Bắc Giang.

Nơi cư trú: Thôn I, xã L, huyện N, T1 Bắc Giang.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn Giáo: Không.

Văn hoá: 6/10; Nghề nghiệp: Kinh doanh.

Bố đẻ: Nguyễn Văn M, đã chết.

Mẹ đẻ: Đỗ Thị Dù, đã chết.

Gia đình bị cáo có 6 anh chị em, bị cáo là con thứ sáu.

CH: Hoàng Hữu V, đã chết.

Bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1989.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 10/7/2017 đến ngày 19/7/2017. Hiện bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người có quyền lợi liên quan

-Lê Văn C, sinh 1994 “vắng mặt”

Nơi cư trú: Tổ dân phố 1, TT N, huyện N

-Bùi Thị H(tức Ngọc), sinh 1994“vắng mặt”

HKTT: Xóm P, xã C, huyện K, T1 Hòa Bình

Nơi cư trú: Thôn I, xã L, huyện N, T1 Bắc Giang

-Nguyễn Hữu A, sinh 1989“vắng mặt”

Nơi cư trú: Thôn I, xã L, huyện N, T1 Bắc Giang

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Thị T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Bùi Hữu A, sinh năm 1989 và vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1994 là chủ quán cà phê, nước giải khát tại thôn I, xã L, huyện N, T1 Bắc Giang. Do Bùi Hữu A thường xuyên đi làm ăn xa, Nguyễn Thị T đang mang thai nên hàng ngày Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của A, có nhà ở liền kề quán của vợ chồng A và thường sang quán cà phê, nước giải khát nhà A phụ giúp T bán hàng.

Tháng 5/2017, T thuê Bùi Thị H, sinh năm 1994, làm nhân viên bưng bê nước cho khách, T bố trí cho H một phòng ngủ tại quán, phòng ngủ của H gần nhà ở của T. Đầu tháng 7/2017, lợi dụng việc T đang có thai, chỉ ngồi ở quầy T tiền nên T đã thỏa thuận với H khi nào có khách mua sâm thì H sẽ bán sâm, T thu của khách 250.000đ/1 lượt, T hưởng 130.000đ, H được hưởng 120.000đ. H đồng ý. Việc T thỏa thuận môi giới mại sâm cho H, A và T không được biết.

Khoảng 22 giờ ngày 09/7/2017, Lê Văn C, sinh năm 1993 và Nguyễn Văn T1, sinh năm 1990, đến quán của T để uống nước và tìm gái bán sâm. Đến nơi, C và T1 ngồi vào bàn uống nước ở sân của quán, cách quầy thanh toán nơi T ngồi khoảng 10 mét và gọi hai cốc cà phê. Nguyễn Thị T mang cà phê ra bàn cho C và T1 thì C hỏi T “có nhân viên bán sâm không?”, T bảo “có”. C bảo cho hai nhân viên, T nói chỉ có 1 nhân viên thôi. C bảo “để cháu chơi trước” (tức là mua sâm trước), T nói “250.000đ một lần mua sâm, 30.000đ tiền cà phê”. Uống cà phê được một lúc, C đưa cho T tờ tiền mệnh giá 500.000đ để trả tiền cà phê và tiền mua sâm. Do không có tiền trả lại nên T đi ra quầy thanh toán đưa cho T tờ tiền 500.000đ và bảo đã trả cho khách 250.000đ, T bảo T trả lại cho khách 220.000 đồng còn thiếu (Ý của T là sau đó sẽ lấy lại từ T 250.000đ để ăn chia với H). T nhận tiền từ T rồi đưa lại cho C, sau đó T vào phòng chờ nhân viên bảo H đi bán sâm cho khách, H đồng ý. H nói với Nguyễn Thị T bảo khách vào phòng ngủ của H trước, T ra chỉ cho

C đi vào phòng ngủ của H. Sau đó H cầm 01 bao cao su nhãn hiệu OK đã chuẩn bị từ trước đi vào phòng ngủ của mình để bán dâm cho C. Khi C và H đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị tổ công tác Công an huyện N bắt quả tang, thu giữ 01 bao cao su màu trắng đục và 01 vỏ bao cao su màu đỏ có chữ OK. Nguyễn Thị T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra tờ tiền 500.000đ mà C đưa cho T để trả tiền mua bán dâm, Lê Văn C cũng tự nguyện giao nộp số tiền 220.000đ để phục vụ công tác điều tra.

Cùng ngày Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện N tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị T. Kết quả khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Ngày 19/10/2017, Công an huyện N đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi mua, bán dâm của Lê Văn C và Bùi Thị H theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Nghị định 167 ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Ngày 08/11/2017, Lê Văn C và Bùi Thị H đã chấp hành các quyết định trên.

Quá trình điều tra xác định anh Hoàng Hữu A và chị Nguyễn Thị T không biết việc Nguyễn Thị T môi giới bán dâm nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với anh A và chị T. Tuy nhiên gia đình anh Hoàng Hữu A, chị Nguyễn Thị T được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ “vận tải hành khách bằng ô tô, bán hàng ăn, hàn xì cơ khí, cà phê, nước giải khát” nhưng đã thiếu trách nhiệm, để xảy ra hoạt động môi giới mại dâm, mua bán dâm tại cơ sở kinh doanh do mình quản lý, vi phạm vào Điều 25 Nghị định 167 ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Ngày 19/10/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện N đã có Công văn số 232 đề nghị Chủ tịch UBND huyện N tiến hành xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền và tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh đối với Hoàng Hữu A theo quy định tại Điều 25 Nghị định 167 của Chính phủ.

Về vật chứng: 01 bao cao su màu trắng đục, 01 vỏ bao cao su màu đỏ có chữ OK và số tiền 720.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Tại Bản cáo trạng số 85/KSĐT ngày 10/11/2017 VKSND huyện N đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Môi giới mại dâm” theo khoản 1 Điều 255 BLHS.

Tại phiên tòa hôm nay Nguyễn Thị T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện VKSND huyện N sau khi luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Môi giới mại dâm”

- Áp dụng: khoản 1 và khoản 5 Điều 255; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 BLHS; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, T từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã L, huyện N quản lý giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Phạt bị cáo từ 5 triệu đồng sung công quỹ nhà nước.

Tang vật: Áp dụng Điều 41 BLHS; Điều 76 BLTTHS:

-Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su màu trắng đục, 01 vỏ bao cao su màu đỏ có chữ OK. Tịch thu sung công quỹ số tiền 500.000 đồng. Hoàn trả lại Lê Văn C 220.000 đồng

Về án phí: Bị cáo phạm tội phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 99 BLTTHS.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng, tang vật vụ án, cùng toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, như vậy đã có đủ cơ sở kết luận :

Lợi dụng việc thường xuyên trông coi cơ sở kinh doanh cà phê, nước giải khát của con trai mình là Hoàng Hữu A, Nguyễn Thị T đã thỏa thuận môi giới mại dâm cho Bùi Thị H là nhân viên quán của A để thu lợi bất chính. Khoảng 22 giờ ngày 09/7/2017, Nguyễn Thị T đã môi giới cho Bùi Thị H bán dâm cho Lê Văn C tại phòng ngủ của Bùi Thị H ở quán bán nước của Hoàng Hữu A thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N bắt quả tang, thu giữ toàn bộ tang vật.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Thị T đã phạm vào tội “ Môi giới mại dâm” được quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Như vậy bản cáo trạng số 85/KSĐT ngày 10/11/2017 của VKSND huyện N đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “ Môi giới mại dâm” là đúng người, đúng tội, đúng Pháp luật.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Về tình tiết tăng nặng: không

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bố bị cáo được nhà nước tặng thưởng nhiều huân huy chương; bản thân bị cáo được chính quyền tặng nhiều giấy khen; căn cứ Bộ luật hình sự

năm 2015, được sửa đổi năm 2017 và có hiệu lực ngày 01/01/2018 thì tại khoản 1 Điều 328 quy định về tội môi giới mại dâm là “1. Người nào làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt để người khác thực hiện mua dâm, bán dâm thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”; và căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự 2015, quy định về áp dụng những quy định có lợi cho bị cáo thì bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS.

Cần áp dụng khoản 5 Điều 255 BLHS phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo khoảng 5.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

Về vật chứng : Cần tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su màu trắng đục, 01 vỏ bao cao su màu đỏ có chữ OK và tịch thu sung công số tiền 500.000 đồng C dùng để mua dâm. Số tiền 220.000 đồng thu của C không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại.

Quá trình điều tra xác định anh Hoàng Hữu A và chị Nguyễn Thị T không biết việc Nguyễn Thị T môi giới bán dâm nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với anh A và chị T. Tuy nhiên gia đình anh Hoàng Hữu A, chị Nguyễn Thị T được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ “vận tải hành khách bằng ô tô, bán hàng ăn, hàn xì cơ khí, cà phê, nước giải khát” nhưng đã thiếu trách nhiệm, để xảy ra hoạt động môi giới mại dâm, mua bán dâm tại cơ sở kinh doanh do mình quản lý, vi phạm vào Điều 25 Nghị định 167 ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Ngày 19/10/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện N đã có Công văn số 232 đề nghị Chủ tịch UBND huyện N tiến hành xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền và tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh đối với Hoàng Hữu A theo quy định tại Điều 25 Nghị định 167 của Chính phủ. Xét việc xử lý trên của Cơ quan điều tra là có căn cứ theo luật.

Về án phí: Bị cáo phạm tội phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 99 BLTTHS và Luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1 - Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “ Môi giới mại dâm”
- Áp dụng: khoản 1 và khoản 5 Điều 255; điểm h,p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 BLHS; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự 2015.

Phạt bị cáo Nguyễn Thị T 09(chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng T từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã L, huyện N quản lý giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Phạt bị cáo 5.000.000 đồng sung công quỹ nhà nước.

Tang vật: Áp dụng Điều 41 BLHS; Điều 76 BLTTHS:

-Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su màu trắng đục, 01 vỏ bao cao su màu đỏ có chữ OK. Tịch thu sung công quỹ số tiền 500.000 đồng. Hoàn trả lại Lê Văn C 220.000 đồng.

2- Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 99, Điều 231, Điều 234 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 về án phí.

Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ tiền án phí HSST.

Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người liên quan vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày được tổng đạt án./.

Nơi nhận

- TAND T1;
- VKSND huyện;
- Công an huyện N;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện N;
- Bị cáo;
- HS vụ án- VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đặng Văn Bảo